

SỞ GD&ĐT THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRƯỜNG THPT LỘC THÁI

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A1, 10A2
NĂM HỌC 2026 - 2027

Môn học lựa chọn: Lí, Hóa, Sinh, Tin

Chuyên đề học tập: Toán, Lí, Hóa

STT	STT TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	ĐTB Toán lớp 9	ĐTB Ngữ văn lớp 9	ĐTB Ngoại ngữ lớp 9	NV1	Ghi chú
1	54	Nguyễn Quang Phúc	26/06/2011	10A1	9.9	8.3	8.7	Lí-Hóa	
2	439	Quách Hoài Bảo Khang	09/08/2011	10A1	9.9	8.2	8.2	Lí-Hóa	
3	3	Bùi Thị Kim Luyến	20/07/2011	10A1	9.8	9.1	9.1	Lí-Hóa	
4	55	Bùi Nguyễn Huyền Linh	27/12/2011	10A1	9.8	8.8	8.3	Lí-Hóa	
5	9	Võ Nguyễn Khánh Hiền	29/01/2011	10A1	9.7	8.5	9.3	Lí-Hóa	
6	17	Vi Nguyễn Trà Giang	02/06/2011	10A1	9.7	8.4	8.3	Lí-Hóa	
7	58	Trần Phạm Phương Nhi	06/09/2011	10A1	9.7	8.1	8.8	Lí-Hóa	
8	26	Lê Nguyễn Nhật Lan	18/01/2011	10A1	9.6	8.2	9	Lí-Hóa	
9	37	Trần Văn Quốc Thái	19/08/2011	10A1	9.6	7.8	7.4	Lí-Hóa	
10	2	Nguyễn Phan Như Quỳnh	25/06/2011	10A1	9.5	9.3	9.5	Lí-Hóa	
11	60	Vũ Ngọc Bảo Như	03/12/2011	10A1	9.5	8	8.4	Lí-Hóa	
12	61	Hồ Ngọc Đoan Trang	17/11/2011	10A1	9.5	8	7.9	Lí-Hóa	
13	281	Nguyễn Minh Phương	20/01/2011	10A1	9.5	7.4	6.7	Lí-Hóa	
14	41	Nguyễn Thị Phương Thảo	25/11/2011	10A1	9.5	7.7	7.4	Lí-Hóa	NV2
15	6	Chu Thuỳ Anh	31/10/2011	10A1	9.4	9	9.1	Lí-Hóa	
16	7	Trần Quang Đạt	01/07/2011	10A1	9.4	8.8	9.6	Lí-Hóa	
17	16	Phan Ngọc Lê Hoàng	12/08/2011	10A1	9.4	8.6	8.6	Lí-Hóa	
18	30	Trần Thị Yến Thư	21/06/2011	10A1	9.4	8.7	8.2	Lí-Hóa	
19	63	Vũ Yến Nhi	19/05/2011	10A1	9.4	8.2	8.4	Lí-Hóa	
20	73	Phạm Ngọc Thanh Hằng	18/10/2011	10A1	9.4	9	9.3	Lí-Hóa	NV2
21	62	Nguyễn Trần Bảo An	08/11/2011	10A1	9.4	8.3	8.5	Lí-Hóa	
22	42	Đỗ Huỳnh Như Ý	24/10/2011	10A1	9.3	8.3	7.4	Lí-Hóa	
23	65	Bùi Thị Kim Hằng	04/11/2011	10A1	9.3	8.5	7.4	Lí-Hóa	
24	66	Phan Văn Quy	08/05/2011	10A1	9.3	7.6	7.9	Lí-Hóa	
25	74	Huỳnh Đình Khoa	18/09/2011	10A1	9.2	8.2	8.1	Lí-Hóa	
26	117	Phạm Đoàn Quỳnh Như	10/04/2011	10A1	9.2	8.5	8.2	Lí-Hóa	
27	118	Trần Nguyễn Thiên Phúc	22/10/2011	10A1	9.2	8.1	7.8	Lí-Hóa	

28	1	Mai Xuân Phúc	17/11/2011	10A1	9.1	8.1	7.8	Lí-Hóa	
29	14	Nguyễn Văn Trọng Thắng	24/08/2011	10A1	9.1	8.6	9.2	Lí-Hóa	
30	156	Nguyễn Thanh Thảo	10/10/2011	10A1	9.1	7.2	6.7	Lí-Hóa	
31	23	Lê Ánh Diệp	09/08/2011	10A1	9	8.4	9.1	Lí-Hóa	
32	24	Trần Văn Tuyền	16/05/2011	10A1	9	8.5	9.1	Lí-Hóa	
33	69	Bùi Kim Duyên	14/03/2011	10A1	9	7.8	8.2	Lí-Hóa	
34	105	Phạm Công Danh	21/01/2011	10A1	9	8.1	7.6	Lí-Hóa	NV2
35	13	Đỗ Trần Trung Hiếu	16/06/2011	10A1	8.9	7.9	8.6	Lí-Hóa	
36	27	Nguyễn Thanh Tú	04/09/2011	10A1	8.9	8.4	9.3	Lí-Hóa	
37	71	Trần Thanh Gia Bảo	04/02/2011	10A1	8.9	7.7	6.8	Lí-Hóa	
38	96	Huỳnh Minh Đan	30/08/2011	10A1	8.9	7.6	8	Lí-Hóa	
39	120	Phan Thị Anh Thư	09/11/2011	10A1	8.9	7.5	7.5	Lí-Hóa	
40	38	Nguyễn Thị Diễm My	17/06/2011	10A1	8.9	8.6	7.7	Lí-Hóa	NV2
41	149	Hà Xuân Vũ	30/11/2011	10A1	8.8	6.9	8.1	Lí-Hóa	
42	72	Nguyễn Minh Trí	06/01/2011	10A1	8.7	8	8.3	Lí-Hóa	
43	116	Trần Nguyễn Thái Tuấn	28/06/2011	10A1	8.7	7	7.2	Lí-Hóa	
44	130	Lê Thị Thảo Vy	25/10/2011	10A1	8.7	6.6	8.3	Lí-Hóa	
45	78	Lê Trần Diệu Hiền	11/09/2011	10A1	8.6	8.6	8.9	Lí-Hóa	
46	97	Nguyễn Đức Thanh	24/02/2011	10A1	8.6	8	8.6	Lí-Hóa	
47	150	Biện Hoàng Ân	27/07/2011	10A1	8.6	7.7	7.3	Lí-Hóa	
48	32	Lê Phan Kiều Trúc	22/09/2011	10A1	8.5	8.8	9	Lí-Hóa	
49	81	Trần Thị Diễm Quỳnh	20/06/2011	10A1	8.5	7.7	8.5	Lí-Hóa	
50	84	Trần Ngọc Mai Thanh	30/05/2011	10A1	8.5	8	7.8	Lí-Hóa	
51	87	Lê Anh Tú	24/11/2011	10A1	8.5	7.8	8	Lí-Hóa	
52	114	Dương Lê Bình An	25/10/2011	10A1	8.5	7.8	8	Lí-Hóa	

Danh sách lớp 10A1 gồm 52 em

STT	STT TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	ĐTB Toán lớp 9	ĐTB Ngữ văn lớp 9	ĐTB Ngoại ngữ lớp 9	NV1	Ghi chú
1	101	Trần Ngọc Minh Trang	22/10/2011	10A2	8.4	8.6	7.9	Lí-Hóa	
2	50	Trần Đức Phước	09/10/2011	10A2	8.4	7.3	8.3	Lí-Hóa	
3	124	Trần Thanh Thảo	26/07/2011	10A2	8.4	7.8	8.4	Lí-Hóa	
4	51	Nguyễn Thảo Linh	09/03/2011	10A2	8.3	8.1	8.3	Lí-Hóa	
5	49	Phùng Thị Ngọc Bích	16/08/2011	10A2	8.2	8	8.4	Lí-Hóa	
6	132	Hồ Hạnh Thảo Nguyên	24/10/2011	10A2	8.2	7.2	7.6	Lí-Hóa	

7	257	Nguyễn Thanh Phụng	29/08/2011	10A2	8.1	7.1	7.4	Lí-Hóa	NV2
8	15	Mai Thị Thanh Thảo	10/09/2011	10A2	8	8.3	9.1	Lí-Hóa	
9	125	Đoàn Anh Khoa	18/10/2011	10A2	8	7.5	6.6	Lí-Hóa	
10	19	Trịnh Nguyễn Ngọc Anh	30/07/2011	10A2	7.9	8	9.1	Lí-Hóa	
11	44	Nguyễn Hoàng Thùy Linh	15/12/2011	10A2	7.8	8.7	7.1	Lí-Hóa	
12	52	Trần Như Ý	10/05/2011	10A2	7.8	8.3	7.8	Lí-Hóa	
13	77	Ngô Mai Tâm Thư	31/01/2011	10A2	7.8	7.8	8.8	Lí-Hóa	
14	33	Hoàng Duy Bảo	05/10/2011	10A2	7.5	7.3	8.5	Lí-Hóa	
15	168	Hoàng Thị Yên Vy	28/05/2011	10A2	7.5	7.2	8.1	Lí-Hóa	
16	252	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	26/09/2011	10A2	7.5	6.2	6.9	Lí-Hóa	
17	289	Kiều Gia Hưng	20/06/2011	10A2	7.5	5.7	5.8	Lí-Hóa	
18	298	Nguyễn Tấn Tài	01/07/2011	10A2	7.5	6.5	6.4	Lí-Hóa	
19	29	Nguyễn Anh Hào	16/07/2011	10A2	7.4	7.6	8.5	Lí-Hóa	
20	85	Nguyễn Hoàng Hải	22/09/2011	10A2	7.4	8	7.5	Lí-Hóa	
21	86	Phạm Nguyễn Bảo Thy	28/08/2011	10A2	7.4	7.8	8.2	Lí-Hóa	
22	76	Nguyễn Quốc Nguyên	25/11/2011	10A2	7.3	8.3	8.9	Lí-Hóa	
23	108	Nguyễn Thị Thu Hiền	18/03/2011	10A2	7.3	7.7	7	Lí-Hóa	
24	162	Trịnh Hoàng Thảo Yên	19/11/2011	10A2	7.3	7	7.4	Lí-Hóa	
25	278	Lê Hoàng Bảo	22/08/2011	10A2	7.3	6.5	5.5	Lí-Hóa	
26	163	Võ Mai Hương Giang	08/01/2011	10A2	7.2	7.7	8	Lí-Hóa	
27	239	Hoàng Quốc Đạt	16/07/2011	10A2	7.1	8.1	7.9	Lí-Hóa	
28	268	Võ Minh Nhật	15/09/2011	10A2	7.1	6.1	6	Lí-Hóa	
29	277	Đặng Quang Đức	10/11/2011	10A2	7	5.5	7.3	Lí-Hóa	
30	329	Trình Tâm Đoan	08/08/2011	10A2	7	7.1	6.5	Lí-Hóa	NV3
31	40	Nguyễn Văn An Hưng	07/12/2011	10A2	6.9	8.4	7.5	Lí-Hóa	
32	165	Nguyễn Thị Quỳnh Như	16/05/2011	10A2	6.9	7.3	7.1	Lí-Hóa	
33	208	Bùi Ngọc Uyên Nhi	22/04/2011	10A2	6.9	8	6.7	Lí-Hóa	
34	227	Trần Thị Mộng Huyền	17/08/2011	10A2	6.9	6.6	6	Lí-Hóa	
35	216	Lương Anh Quân	22/10/2011	10A2	6.9	6.3	5.7	Lí-Hóa	NV2
36	131	Nguyễn Bảo Trân	27/12/2011	10A2	6.7	7.6	6.4	Lí-Hóa	
37	181	Lê Mai Như Quỳnh	03/07/2011	10A2	6.7	6	6.1	Lí-Hóa	
38	249	Nguyễn Anh Hào	20/06/2011	10A2	6.7	6.3	6.6	Lí-Hóa	
39	283	Trần Quốc Đại	10/11/2011	10A2	6.5	7.1	7	Lí-Hóa	
40	222	Huỳnh Gia Huy	13/01/2011	10A2	6.4	6.8	6.4	Lí-Hóa	
41	253	Hà Thị Ngọc Dư	16/10/2011	10A2	6.4	7.3	7.4	Lí-Hóa	

42	137	Nguyễn Thành Đạt	18/06/2011	10A2	6.3	7.2	7.6	Lí-Hóa	
43	214	Võ Hà Gia Kiệt	12/09/2011	10A2	6.2	6.5	6.1	Lí-Hóa	
44	407	Phạm Trương Hùng Vương	06/07/2011	10A2	6.2	5.9	6.2	Lí-Hóa	
45	247	Trương Văn Duy Hoàng	06/04/2011	10A2	6.1	6.5	6.3	Lí-Hóa	
46	333	Hoàng Minh Khang	15/03/2011	10A2	5.8	5.2	6	Lí-Hóa	
47	342	Điền Minh Duy	10/05/2011	10A2	5.6	5.2	5.9	Lí-Hóa	
48	379	Trần Hoàng Phúc	11/04/2011	10A2	5.6	5	6.7	Lí-Hóa	
49	396	Trần Hoàng Trọng	11/07/2010	10A2	5.5	5.5	5.5	Lí-Hóa	
50	416	Phạm Quốc Sang	20/10/2011	10A2	5.5	4.5	6	Lí-Hóa	
51	382	Tăng Nhật Hoàng	11/01/2011	10A2	5.4	5.2	6.1	Lí-Hóa	
52	429	Nguyễn Trọng Nghĩa	07/09/2011	10A2	5.3	5.5	6.1	Lí-Hóa	

Danh sách lớp 10A2 gồm 52 em